THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí theo Quyết định số 916/QĐ-XLDK ngày 04/11/2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500834094, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 200 tỷ đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 892 người (31/12/2009: 760).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khảo sát thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước) bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Xây dựng công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển; xây dựng đô thị, kinh doanh văn phòng;
- Đóng tàu, đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển, xây dựng các khu công nghiệp;
- Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHCĐ-KCKT ngày 10 tháng 2 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông, năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC không làm ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế của Công ty so với khi áp dụng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Công ty, tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng 1.525,6 m^2 đất lâu dài tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m^2 đất với thời hạn 50 năm tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu. Giá trị quyền sử dụng 2 lô đất này được Công ty trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo quy định kế toán hiện hành.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 6.580.700.000 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 10 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế thương mại trong thời gian 10 năm là phù hợp với quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận theo giá trị sản lượng hoàn thành. Chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng và giá trị dở dang cuối kỳ theo dự toán. Phần công việc phát sinh thêm, các khoản bồi thường và các khoản tiền thưởng được ghi nhận theo thỏa thuận với khách hàng.

Để đảm bảo tính thận trọng khi giá trị sản lượng hoàn thành có thể bị chủ đầu tư cắt giảm, đồng thời công trình chưa được quyết toán giá trị với chủ đầu tư, doanh thu được ghi nhận bằng 80% giá trị sản lượng hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà khả năng thu được là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.036.496.409	398.742.485
Tiền gửi ngân hàng	9.300.920.745	41.958.750.731
Các khoản tương đương tiền	86.049.838.114	-
	96.387.255.268	**42.357.493.216**

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi của Công ty có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba (3) tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn phản ánh các khoản ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với mục đích sinh lời, thời hạn 12 tháng, lợi tức ủy thác trong kỳ thay đổi từ 9,2%/năm đến 11%/năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	940.941.566	759.473.061
Công cụ, dụng cụ	203.280.660	245.297.578
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.576.200.024	28.049.977.263
	40.720.422.250	**29.054.747.902**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	**40.720.422.250**	**29.054.747.902**

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	1.570.882.853	1.213.871.838
	1.570.882.853	**1.213.871.838**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	1.658.347.882	40.613.987.661	12.661.890.192	3.725.728.393	58.659.954.128
Tăng do đầu tư, mua sắm	278.661.450	914.840.816	17.862.040.164	2.103.894.545	21.159.436.975
Tăng do định giá lại khi CPH	-	862.395.347	10.317.343	-	872.712.690
Giảm do định giá lại khi CPH	-	(16.903.616)	-	-	(16.903.616)
Tại ngày 30/06/2010	**1.937.009.332**	**42.374.320.208**	**30.534.247.699**	**5.829.622.938**	**80.675.200.177**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	431.550.657	25.870.760.476	2.137.321.342	2.711.497.427	31.151.129.902
Khấu hao trong kỳ	151.984.026	3.552.012.192	1.716.329.165	493.383.871	5.913.709.254
Tăng/(giảm) do định giá lại khi CPH	685.831	(1.843.191.773)	(725.539.028)	-	(2.568.044.970)
Tại ngày 30/06/2010	584.220.514	27.579.580.895	3.128.111.479	3.204.881.298	34.496.794.186
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2010	1.352.788.818	14.794.739.313	27.406.136.220	2.624.741.640	46.178.405.991
Tại ngày 31/12/2009	1.226.797.225	14.743.227.185	10.524.568.850	1.014.230.966	27.508.824.226

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.313.780.909 đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	1.077.564.715	1.077.564.715
Tăng do cổ đông góp vốn khi cổ phần hóa	15.166.470.000	15.166.470.000
Tại ngày 30/06/2010	**16.244.034.715**	**16.244.034.715**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
Khấu hao trong kỳ	148.344.776	148.344.776
Tại ngày 30/06/2010	**148.344.776**	**148.344.776**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/06/2010	**16.095.689.939**	**16.095.689.939**
Tại ngày 31/12/2009	**1.077.564.715**	**1.077.564.715**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/12/2009 (ngày thành lập Công ty CP) đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	**4.859.302.550**	-
Nhận bàn giao từ Công ty TNHH một thành viên	-	5.219.795.525
Tăng trong kỳ	53.992.643.686	4.429.066.873
Kết chuyển tài sản cố định trong kỳ	(15.877.230.736)	(4.789.559.848)
Số dư cuối kỳ	**42.974.715.500**	**4.859.302.550**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/12/2009 (ngày thành lập Công ty CP) đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	**2.125.156.910**	-
Nhận bàn giao từ Công ty TNHH một thành viên	-	1.800.316.166
Tăng trong kỳ	11.781.495.370	535.315.412
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(5.623.324.119)	(210.474.668)
Số dư cuối kỳ	**8.283.328.161**	**2.125.156.910**

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	21.296.082.107	-
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 15)*	5.188.552.000	2.594.276.000
	26.484.634.107	**2.594.276.000**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay bằng VND từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTDHM-TCDK.CNVT.TD ngày 8 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 16,3%/năm trên gốc vay.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.084.461.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.273.862.123	1.336.492.763
Thuế thu nhập cá nhân	1.263.417.500	136.727.327
	8.537.279.623	**3.557.681.123**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	9.435.999.683	4.811.501.475
Chi phí phải trả khác	103.612.260	103.612.260
	9.539.611.943	**4.915.113.735**

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn là khoản vay bằng VND từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 27/2009/HDTDTH-TCDK.CNVT.TD ngày 8 tháng 10 năm 2009. Khoản vay này được Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bảo lãnh, thời hạn 5 năm, hạn mức vay 31.155.520.000 đồng và lãi suất vay được quy định theo từng khế ước vay từ 8%/năm đến 10,5%/năm.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng 1 năm	5.188.552.000	2.594.276.000
Từ 1 năm đến 2 năm	5.188.552.000	2.407.607.900
Từ 2 năm đến 5 năm	12.971.361.187	-
	23.348.465.187	5.001.883.900
Trừ: Số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày như vay ngắn hạn)	5.188.552.000	2.594.276.000
Số phải trả sau 12 tháng	**18.159.913.187**	**2.407.607.900**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	**86.307.700.000**	**207.036.550**	**86.514.736.550**
Nhận vốn góp từ các cổ đông	113.692.300.000	-	113.692.300.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	21.680.123.999	21.680.123.999
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	**200.000.000.000**	**21.887.160.549**	**221.887.160.549**

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 30/06/2010	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2009
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	50.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	36.307.700.000
	200.000.000.000	**100%**	**200.000.000.000**	**86.307.700.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	188.943.144.188	96.026.067.593
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.769.577.987	105.318.182
	190.712.722.175	**96.131.385.775**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	145.775.537.890	81.754.973.336
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.346.739.196	7.745.498
	147.122.277.086	**81.762.718.834**

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**28.834.102.599**	**6.803.746.098**
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.464.474.843	-
Thu nhập chịu thuế	**33.298.577.442**	**6.803.746.098**
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**8.324.644.361**	**1.700.936.525**
Thuế suất hiện hành	25%	12,5%
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(54.547.050)	(850.468.263)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**8.270.097.311**	**850.468.262**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty ghi giảm 54.547.050 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế này được Công ty tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 12,5% (mức ưu đãi thuế được áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam) và thu nhập chịu thuế của tháng 12 năm 2009. Quyết định sau cùng về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/12/2009 (ngày thành lập Công ty CP) đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	21.680.123.999	207.036.550
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	20.000.000	8.630.770
Lãi trên cổ phiếu	**1.084**	**24**

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Doanh thu		
Xí nghiệp Liên doanh Việt Xô Petro	141.903.557.837	61.605.208.802
Ban Điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	30.641.707.298	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.983.945.443	-
Ban Điều hành dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	4.776.855.210	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.179.867.739	27.275.548.936
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	81.844.179	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống và Bể chứa Dầu khí	-	4.367.882.637
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.123.593.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	1.892.921.773	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	916.247.438	41.079.200
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	268.499.963	-
Công ty Dịch vụ Khí	237.575.967	-
Trường Đào tạo Nhân lực Dầu khí	57.832.000	15.350.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	30.000.000	-
Xí nghiệp Liên doanh Việt Xô Petro	5.280.815	5.400.000
Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	657.859.500
Công ty Cổ phần Công đoàn Dầu khí Vietsovpetro	-	51.210.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	36.540.000
Thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	34.300.720.592	225.388.578
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	16.306.153.314	308.603.709
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	1.892.921.773	-
Các chi phí dịch vụ khác		
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống và Bể chứa Dầu khí	63.663.574	282.988.924
Lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu	1.669.182.542	411.905.105
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương	2.297.648.678	1.025.223.000
Tiền thưởng	264.041.334	15.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu		
Xí nghiệp Liên doanh Việt Xô Petro	7.393.370.929	-
Ban Điều hành dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	5.896.828.363	6.753.168.089
Ban Điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	2.835.682.380	6.266.894.600
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.667.280.877	1.275.996.393
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	647.189.538	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	500.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	240.012.174	240.012.174
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	157.455.430	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	149.644.201	149.644.201
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	13.888.456.523
Phải trả		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	15.931.084.181	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.168.699.280	18.265.762.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.004.794.145	22.906.246.978
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống và Bể chứa Dầu khí	186.748.124	123.084.550
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô Petro	66.472.150	69.772.150
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu		
- Vay dài hạn đến hạn trả	5.188.552.000	2.594.276.000
- Vay dài hạn	18.159.913.187	2.407.607.900

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã thuê văn phòng trụ sở làm việc theo Hợp đồng số 25/PVC-MS/PVC-PT với Công ty Cổ phần Đường ống và Bể chứa Dầu khí, thời hạn thuê không ngắn hơn thời gian thực hiện Dự án Cao ốc số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, thời gian thuê có thể thay đổi tùy thuộc theo Quyết định của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, chủ sở hữu khu nhà làm việc, trên cơ sở đề nghị hợp lý của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí hoặc Công ty Cổ phần Đường ống và Bể chứa Dầu khí với số tiền phải trả hàng tháng bằng giá trị khấu hao hàng tháng của khu nhà làm việc. Cụ thể: nguyên giá khu nhà là 1.162.168.153 đồng, giá trị còn lại đến ngày 30/06/2008 là 453.537.036 đồng, giá trị khấu hao một tháng là 9.647.472 đồng (giá trên chưa bao gồm thuế GTGT).

Ngoài ra, Công ty còn thuê một phần nhà xưởng, kho bãi với diện tích 2.310 m2 tại số 896 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu của Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành theo hợp đồng thuê nhà xưởng - kho bãi số 01/12/HĐTKB/TRUNGTHANH-DAUKHI ngày 12/12/2008. Công ty thuê nhà xưởng, kho bãi trên để làm kho bãi và lắp đặt xưởng sản xuất cơ khí, bảo trì, bảo dưỡng, thời gian thuê là 2 năm, giá tiền thuê là 50.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

Chi phí thuê hoạt động đã được Công ty ghi nhận trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 237.875.976 đồng.

24. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 24/NQ-ĐHCĐ-KCKL ngày 10 tháng 02 năm 2010, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (vốn điều lệ 500 tỷ đồng) để thực hiện dự án Nhà máy Sản xuất Ống thép hàn thẳng thuộc Căn cứ Dịch vụ Dầu khí Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với mức vốn góp là 150 tỷ đồng, tương ứng 30% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.